

Số:

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 6 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp**

Trên cơ sở báo cáo số 110/BC-STP ngày 17/6/2022 của Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm cho các ngành, các cấp của địa phương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (lần thứ 2); Ban Dân tộc tỉnh tiếp thu, giải trình một số nội dung như sau:

**I. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất dự thảo Nghị quyết**

**1. Đối với dự thảo Quy định**

a) Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp: Tại Nội dung tại Điều 3 dự thảo quy định “*Nguyên tắc phân bổ thực hiện Chương trình*” và Điều 4 dự thảo quy định “*Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương trung hạn và hằng năm*” là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi vì, tại Điều 3 dự thảo trình bày phải tuân thủ quy định tại Điều 3 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg là đã bao gồm nội dung tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước. Đồng thời, tại Điều 4 quy định “*Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách Trung ương trung hạn và hằng năm*” đã được Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 4 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg, không cần thiết phải trình HĐND tỉnh.

Ban Dân tộc tỉnh tiếp thu, giải trình:

+ Tiếp thu, điều chỉnh Điều 3 của dự thảo quy định thành “*Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ).*”

+ Bỏ Điều 4 của dự thảo quy định.

b) Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với Nội dung tại Điều 7 (*Tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết*):

Về nội dung tiêu chí: Tại điểm b khoản 1 “Đối với dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng và trên 01 tỷ đồng” và điểm b khoản 2 “Đối với dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng và trên 10 triệu đồng” có cùng số điểm là 10 và 0,1. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo lại phân chia số lượng thành 02 trường hợp a (số dự án) và b (tổng số vốn) nên dẫn đến không cụ thể, rõ ràng, gây khó hiểu trong việc áp dụng và sự cần thiết phải phân chia thành 02 trường hợp. Đồng thời, trong nội dung dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh quy định nội dung của ví dụ là không phù hợp và không chính xác, cụ thể: quy mô vốn đầu tư của 01 huyện là **15,267** tỷ thì số lượng b của huyện đó là **15,2**; nhưng quy mô vốn sự nghiệp của 01 huyện là **125,678** triệu đồng thì số lượng b của huyện đó là **15,6**; tại điểm b khoản 2 quy định dự án có quy mô vốn sự nghiệp trên 10 triệu đồng, nhưng ví dụ lại quy định có quy mô vốn đầu tư trên 10 triệu đồng là không thống nhất.

Ban Dân tộc tỉnh tiếp thu, giải trình:

Trong dự thảo lần 3 của Nghị quyết (*gửi Sở Tư pháp thẩm định tại văn bản số 84/BDT-CSĐT ngày 10/02/2022*), thì tại Điều 7, cơ quan soạn thảo đưa tiêu chí phân bổ vốn của nội dung này như quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Phụ lục II Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, tại báo cáo thẩm định số 19/BC-STP ngày 20/02/2022 của Sở Tư pháp cho rằng nội dung này chỉ quy định số điểm, không quy định cột tổng số điểm nên sẽ không áp dụng được công thức được quy định tại Điều 5. Vì vậy, cơ quan soạn thảo đã thiết kế, điều chỉnh lại nội dung này gồm các cột “số điểm”, “số lượng” và “tổng số điểm” cho phù hợp với các bảng tiêu chí khác trong dự thảo quy định để áp dụng công thức tính quy định ở Điều 5.

Tại Phụ lục II Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg cũng phân chia thành 03 tiêu chí, gồm: (i) Mỗi dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng được tính 10 điểm (*xác định số dự án*); (ii) Dự án có quy mô trên 01 tỷ đồng, cứ tăng thêm vốn đầu tư 100 triệu đồng được tính thêm 01 điểm (*xác định trên số vốn của dự án*) và (iii) Mỗi dự án tại xã biên giới được tính thêm 5 điểm (*Tiêu chí này tỉnh ta không áp dụng*). Thực tế, cách tính của tiêu chí tại Điều 7 của dự thảo Quy định không khác so với quy định tại Phụ lục II Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg và vẫn cho ra kết quả giống như nhau.

Ví dụ 1: Đối với dự án có quy mô vốn đầu tư là 40 tỷ đồng thì tổng số điểm dự án này nhận được vẫn là 400 điểm; với cách tính cụ thể như sau:

- Theo cách tính tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg: Dự án sẽ có 10 điểm cho quy mô đầu tư đến 01 tỷ đồng và 390 điểm cho phần 39 tỷ đồng tăng thêm (mỗi 100 triệu đồng vốn tăng thêm được 01 điểm); như vậy, tổng số điểm của dự án là 400 điểm.

- Theo cách tính tại dự thảo Nghị quyết: quy mô đầu tư của dự án là 40 tỷ đồng nhân với số điểm là 10 thì được tổng số điểm là 400.

Đối với phần ví dụ tại điểm b khoản 2 Điều 7, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, điều chỉnh cho chính xác số liệu và điều chỉnh từ “*quy mô vốn đầu tư*” thành “*quy mô vốn sự nghiệp*”.

c) Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp: tại điểm b khoản 2 Điều 8 quy định nội dung về phân bổ vốn sự nghiệp để thực hiện Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi **không quá 20%** tổng vốn phân bổ cho Tiểu dự án 2, cụ thể: Phân bổ cho Sở Công Thương **không quá 10%**; phân bổ cho Liên minh Hợp tác xã **không quá 10%**; phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh **không quá 30%** là chưa chính xác. Bởi vì, vốn sự nghiệp được phân bổ để thực hiện Nội dung 3 không quá 20% tổng vốn phân bổ cho Tiểu dự án 2, nhưng phân bổ cho Sở Công Thương, Liên minh Hợp tác xã và Ban Dân tộc tỉnh để thực hiện Nội dung 3 **không quá 50%**, đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp.

Ban Dân tộc tỉnh tiếp thu, giải trình:

Căn cứ ý kiến của các đại biểu tại cuộc họp của UBND tỉnh ngày 15/6/2022 đề nghị gộp 03 nội dung phân bổ vốn sự nghiệp gồm: Phân bổ vốn sự nghiệp cho Nội dung 1, Phân bổ vốn sự nghiệp cho Nội dung 2 và Phân bổ vốn sự nghiệp cho Nội dung 3 thành 02 nội dung phân bổ vốn sự nghiệp cho phù hợp với Quyết định số 39/2022/QĐ-TTg; vì vậy, Ban Dân tộc tỉnh điều chỉnh điểm b khoản 2 Điều 8 như sau:

“b) *Phân bổ vốn sự nghiệp*

*Phân bổ vốn hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý: Không quá 10% tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 2.*

*Phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh 100% tổng số vốn sự nghiệp để đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý.*

*Phân bổ vốn cho các huyện: Không.*

*Phân bổ vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư.*

*Phân bổ cho Sở Công Thương không quá 02%, phân bổ cho Liên minh Hợp tác xã không quá 02%, phân bổ cho Ban Dân tộc tỉnh không quá 04% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án 2.*

*Phân bổ vốn cho các huyện: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:*

<i>TT</i>	<i>Nội dung tiêu chí</i>	<i>Số điểm</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tổng số điểm</i>
1	<i>Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III)</i>	28	<i>a</i>	$28 \times a$
2	<i>Mỗi xã ĐBKK đồng thời là xã An toàn khu (sau đây viết tắt là ATK)</i>	2	<i>b</i>	$2 \times b$

3	<i>Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là ĐBKK)</i>	0,15	c	0,15 x c
4	<i>Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã)</i>	5	d	5 x d
<b>Tổng cộng điểm (1+2+3+4)</b>				

Số lượng (a, b, c, d) được xác định như sau: xã ĐBKK xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 861/QĐ-TTg) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); xã ATK được xác định theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 612/QĐ-UBND) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có); tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.”

d) Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp: Tại điểm b khoản 3 Điều 15 về phân bổ vốn sự nghiệp quy định nội dung “Phân bổ vốn cho các sở, ban ngành và hội đoàn thể tỉnh: Không quá 60% tổng số vốn sự nghiệp Tiểu dự án...” đề nghị quy định cụ thể là “**Tiểu dự án 3**” đề nội dung được chính xác.

Ban Dân tộc tỉnh tiếp thu, giải trình: đã tiếp thu điều chỉnh.

## **2. Đối với dự thảo Nghị quyết**

a) Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp: Đề nghị trình bày chính xác tên gọi của Nghị quyết số 120/2020/NQ-QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương...giai đoạn 2021 - 2031 (bỏ cụm từ về việc).

Ban Dân tộc tỉnh tiếp thu, giải trình: đã tiếp thu điều chỉnh.

b) Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp: Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo đề nghị xem xét bổ sung nội dung “**Tổ đại biểu**” Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Ban Dân tộc tỉnh tiếp thu, giải trình: đã tiếp thu điều chỉnh.

## **II. Ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo văn bản**

### **1. Đối với dự thảo Quy định**

a) Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp: Tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 quy định “...được quy định từ Điều 6 đến Điều 15 của Nghị quyết này” là chưa chính xác, vì từ Điều 6 đến Điều 15 là của Quy định kèm theo dự thảo

Nghị quyết, đề nghị chỉnh sửa lại thành “...được quy định từ Điều 6 đến Điều 15 của **Quy định này**” để nội dung được chính xác.

Ban Dân tộc tỉnh đã tiếp thu điều chỉnh.

b) Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp: Tại điểm b khoản 1 Điều 6 đề nghị trình bày chính xác tên gọi nội dung của TT 4 là “*Cứ 1 công trình nước sinh hoạt tập trung*” theo quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021.

Ban Dân tộc tỉnh đã tiếp thu điều chỉnh.

c) Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp: Rà soát bỏ, điều chỉnh các từ, cụm từ “*vốn*”, “*vốn số vốn*” tại điểm b khoản 2 Điều 8 (đầu trang 8); điểm a khoản 4 Điều 10 cho chính xác.

Ban Dân tộc tỉnh đã tiếp thu điều chỉnh.

## **2. Đối với dự thảo Tờ trình**

a) Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp: Chỉnh sửa *tháng* trình trong dự thảo Tờ trình “*tháng 3*” thành “*tháng...*” cho chính xác.

Ban Dân tộc tỉnh đã tiếp thu điều chỉnh.

b) Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp: Tại khoản 1 Mục IV về bố cục của Nghị quyết trong dự thảo Tờ trình không phù hợp với nội dung của dự thảo Nghị quyết, cụ thể: Nghị quyết chỉ có 03 Điều, còn Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết có 16 Điều được chia thành Chương I, Chương II.

Ban Dân tộc tỉnh đã tiếp thu điều chỉnh.

c) Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp: Đoạn cuối của dự thảo Tờ trình “*Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, Kỳ họp thứ 7 năm 2022 xem xét thông qua*” là chưa chính xác, đề nghị điều chỉnh lại *Kỳ họp thứ 8* cho chính xác.

Ban Dân tộc tỉnh đã tiếp thu điều chỉnh.

Ban Dân tộc tỉnh kính báo cáo UBND tỉnh./.

### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT, qbình.

**TRƯỞNG BAN**

**Trần Văn Mẫn**